

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LÊ NGỌC HÙNG (*)

Tóm tắt: Thực tế hiện nay cho thấy chất lượng đào tạo nhân lực thường tỷ lệ thuận với trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên cơ hữu và số lượng các bài báo trên tạp chí trong nước có uy tín được người Việt Nam tiếp cận, học tập, nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Từ thực trạng trên, bài viết đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực trình độ cao từ đại học trở lên, nhằm mở rộng cơ hội giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hội nhập và phát triển.

Từ khóa: Chất lượng đào tạo; cơ sở giáo dục đại học; nhân lực; Việt Nam.

Abstract: Current situation shows that the quality of human resource training is often proportional to the professional qualifications of the full-time teaching staff and the number of articles in prestigious domestic journals that Vietnamese people access for their study and research in higher education institutions in Vietnam. From the above situation, this paper proposes a number of solutions to contribute to improving the quality of high-level human resource education of university and higher level, in order to expand higher education opportunities, meet the students' learning needs and the requirements of national development in the integration and development period.

Keywords: Training quality; higher education institutions; human resources; Vietnam.

Ngày nhận bài: 10/9/2024 Ngày biên tập: 23/10/2024 Ngày duyệt đăng: 18/11/2024

1. Chất lượng đào tạo nhân lực của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam thời gian qua

Hơn một thập niên qua, giáo dục đại học của Việt Nam được đổi mới căn bản, toàn diện nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập thế giới⁽¹⁾. Trong quá trình đổi mới, chủ đề nổi bật thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, nhất là các nhà làm chính sách và quản lý giáo dục đại học là đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng

đào tạo nhân lực của các cơ sở giáo dục đại học (gọi chung là các trường đại học) của Việt Nam. Luật Giáo dục đại học năm 2012 quy định mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học là bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học thông qua kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo. Luật Giáo dục đại học năm 2018 có Chương 7 (từ Điều 49 đến Điều 53) cũng không giải thích từ ngữ “chất lượng đào tạo”, “chất lượng giáo dục đại học”, “chất lượng cơ sở giáo dục đại học” và “chất lượng chương trình đào tạo”⁽²⁾.

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo giải thích về cụm từ *chất lượng của chương trình đào tạo*: “Là sự đáp ứng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật Giáo dục đại học và của Khung trình độ quốc gia, phù hợp với nhu cầu sử dụng

(*) GS, TS; Đại học Quốc gia Hà Nội

(**) Bài viết trong Kế hoạch tuyên truyền về phát triển nhân lực chất lượng cao và nhân lực quản lý theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

nhân lực của địa phương, của ngành và xã hội”. Thông tư này không giải thích từ ngữ “chất lượng đào tạo”, “chất lượng giáo dục” và không dùng từ ngữ “giáo sư”, “phó giáo sư”, “tạp chí quốc tế”, “công bố quốc tế”, “công bố khoa học”⁽³⁾.

Đối với cụm từ *chất lượng cơ sở giáo dục đại học*, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo giải thích: “Là sự đáp ứng mục tiêu do cơ sở giáo dục đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước”⁽⁴⁾. Giải thích này không nói đến “chuẩn đầu ra” nhưng từ ngữ này được giải thích nguyên văn như sau: “Chuẩn đầu ra (*Expected Learning Outcome*) là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện”.

Mặc dù có nhiều ý kiến và đề xuất giải pháp đối với “chất lượng giáo dục”, “chất lượng đào tạo” của các cơ sở giáo dục đại học, nhưng đến nay chưa thấy quy định pháp luật nào giải thích từ ngữ “chất lượng giáo dục đại học” và “chất lượng đào tạo đại học” là gì. Căn cứ các quy định quản lý hiện hành có thể thấy hiện nay mới có hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Đồng thời, căn cứ các quy định quản lý nhà nước chỉ có thể hiểu “chất lượng giáo dục đại học”, “chất lượng đào tạo đại học” được bảo đảm và nâng cao thông qua hệ thống bảo đảm bên trong và bên ngoài đối với “chất lượng chương trình đào tạo” và “chất lượng cơ sở giáo dục đại học”. Do vậy, để thực hiện mục đích đề xuất giải pháp nâng cao “chất lượng, trình độ đào tạo trình độ cao” của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam, cần xác định chất lượng đào tạo là sự tổng hòa của trình độ chuyên môn nghề nghiệp bậc cao của giảng viên cơ hữu với các kết quả nghiên cứu khoa học dưới hình thức các bài báo trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín trong mối tương quan với quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

Cần nhấn mạnh rằng, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam có nhiệm vụ đào tạo nhân lực trình độ cao đáp ứng nhu cầu học tập của

người dân và yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nhân lực trình độ cao được hiểu là nhân lực có trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ được đào tạo tại các trường đại học của Việt Nam. Giáo dục đại học của Việt Nam đã liên tục đào tạo nhân lực trình độ cao (từ trình độ đại học trở lên) trong thời gian qua. Cụ thể, tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có trình độ cao (từ trình độ đại học trở lên) tăng với mức trung bình 6,2%/năm, từ 5,5% năm 2009 lên 12,7% năm 2023⁽⁵⁾. Tuy nhiên, với tỷ lệ 12,7% lực lượng lao động có trình độ cao (trình độ đại học trở lên) trong tổng số trên 52 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên thì vấn đề cấp thiết đặt ra không chỉ là vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực trình độ cao, mà còn là vấn đề mở rộng cơ hội giáo dục đại học để tăng tỷ lệ lực lượng lao động Việt Nam có trình độ cao.

Xu hướng chất lượng giáo dục đại học hiện đang giảm sút trước áp lực tăng quy mô đào tạo và suy giảm cấu trúc trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên cơ hữu. Cụ thể, trong năm học 2017-2018 và năm học 2021-2022, tổng số cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam tăng trên 2,5%, từ 236 trường (171 trường công lập và 65 trường tư thục, tương ứng 72,5% và 27,5%) lên 242 trường (gồm 175 trường công lập và 67 trường tư thục, tương ứng 72,3% và 27,7%). Quy mô đào tạo sinh viên đại học tăng 25,7%, từ trên 1,7 triệu người năm học 2017-2018, đến trên 2,1 triệu người năm học 2021-2022. Tuy nhiên, quy mô đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tăng rất chậm với gần 0,3% từ trên 121,2 nghìn người (tương đương 7,1% tổng số sinh viên đại học) lên 121,6 nghìn người (tương đương gần 5,7% tổng số sinh viên đại học). Trong khi đó, tổng số giảng viên cơ hữu của các trường đại học tăng chậm với 4,3%, từ gần 75 nghìn giảng viên lên gần 78,2 nghìn giảng viên⁽⁶⁾. Do vậy, số lượng sinh viên/1 giảng viên cơ hữu tăng từ 22,8 sinh viên năm học 2017-2018 lên 27,4 sinh viên năm 2021-2022.

Trong cùng thời gian đó, trình độ chuyên môn nghề nghiệp của giảng viên cơ hữu có xu hướng giảm: số lượng giáo sư giảm 17,4%, từ 729 người xuống còn 602 người, số lượng phó giáo sư tăng gần 1,4%, từ trên 4,5 nghìn người lên 4,6 nghìn người. Năm học 2017-2018, các cơ sở giáo dục đại học có gần 5,3 nghìn giáo

sư, phó giáo sư chiếm trên 7% tổng số giảng viên cơ hữu. Năm học 2021-2022, tổng số giáo sư, phó giáo sư giảm còn trên 5,2 nghìn người và chiếm trên 6,6% tổng số giảng viên cơ hữu. Năm học 2017-2018, cứ 01 giáo sư có 6,2 phó giáo sư và 27,7 tiến sĩ. Đến năm 2021-2022, cứ 01 giáo sư có 7,6 phó giáo sư và 42,1 tiến sĩ. Chất lượng giáo dục đại học phụ thuộc vào trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên cơ hữu, nên khi quy mô đào tạo đại học tăng lên rất nhanh (25,7%) và quy mô giảng viên cơ hữu tăng chậm (4,3%) thì nhiều khả năng chất lượng giáo dục đại học bị giảm đi. Xu hướng giảm sút chất lượng giáo dục đại học trở nên rõ nét qua phân tích số liệu về trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên tăng rất chậm thể hiện qua số lượng và tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ trong tổng số giảng viên cơ hữu.

Xu hướng giảm sút chất lượng giáo dục đại học gắn với tăng nhanh công bố quốc tế và tăng chậm công bố trong nước. Trái ngược với mong muốn chủ quan của nhiều người, việc tăng mạnh số lượng các bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc loại WoS (ISI) và Scopus có thể đã không làm tăng mà thậm chí còn làm giảm chất lượng giáo dục đại học. Đây là một giả thuyết cần được kiểm chứng thông qua những số liệu thống kê hiện có. Trong thập niên vừa qua, việc tăng số lượng các công bố bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín (gọi tắt là công bố quốc tế hoặc bài báo quốc tế) của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam được coi là “những con số ấn tượng”⁽⁷⁾. Năm 2016, các trường đại học của Việt Nam công bố được tổng cộng 6.842 bài báo quốc tế WoS (ISI) và bài báo quốc tế Scopus, chiếm 62,4% trong tổng số 10.964 bài báo quốc tế của cả nước. Đến năm 2020, các trường đại học công bố được 27.390 bài báo, chiếm 84,6% trong tổng số 32.380 bài báo của cả nước⁽⁸⁾. Số lượng bài báo WoS (ISI) của các trường đại học tăng 3,6 lần, từ 2.107 bài năm 2016 lên 7.502 bài năm 2020. Đồng thời, số lượng bài báo Scopus tăng 4,2 lần, từ 4.735 bài lên 19.888 bài. Số lượng bài báo WoS (ISI) của cả nước tăng 2,1 lần, từ 5.833 bài lên 21.530 bài và số lượng bài báo Scopus của cả nước tăng 3,7 lần, từ 5.131 lên 10.850 bài. Như vậy, các trường đại học có tốc độ tăng số lượng công bố quốc tế nhanh hơn nhiều so với tốc độ

của cả nước và với số lượng tăng nhanh đó, các bài báo quốc tế của các trường đại học chiếm tỷ trọng tăng lên trong tổng số các bài báo quốc tế của cả nước.

Trong giai đoạn năm 2018-2022, Việt Nam tăng được 52,8% tổng số bài tạp chí khoa học trong nước và bài tạp chí quốc tế, từ 22.008 bài lên 33.632 bài. Trong đó, số lượng bài tạp chí quốc tế tăng trên gấp đôi, từ 8.958 bài lên 18.557 bài và số lượng bài trong nước chỉ tăng trên 15,5%, từ 13.050 bài lên 15.075 bài. Năm 2018, số lượng bài trong nước chiếm trên 59% và bài quốc tế chiếm gần 41% trong tổng số trên 22 nghìn bài, đến năm 2022 bài trong nước chiếm gần 45% và bài quốc tế chiếm trên 55%. Tính chung các năm 2018-2022, Việt Nam đã công bố được tổng cộng 151.487 bài, trong có 74.815 bài tạp chí trong nước, chiếm 49,4%, ít hơn so với 76.672 bài tạp chí quốc tế, chiếm 50,6%. Con số này rất ấn tượng về tốc độ tăng nhanh, nhiều bài báo quốc tế của Việt Nam thời gian qua. Tuy nhiên, xem xét kỹ có thể thấy, số lượng bài trong nước tăng rất chậm (15,5%) so với tốc độ tăng rất cao (207%) của số lượng bài quốc tế trong giai đoạn năm 2018-2022.

Trong điều kiện hiện nay, vấn đề đặt ra là rất nhiều khả năng sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và cả giảng viên các trường đại học của Việt Nam đều khó có thể tiếp cận và sử dụng được các bài quốc tế so với các bài trong nước. Do vậy, chưa xét đến chất lượng, việc tăng nhanh và nhiều số lượng bài báo quốc tế với việc tăng chậm, ít bài báo trong nước phần nào dẫn đến làm giảm sút chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam. Một vấn đề khác cần được phân tích kỹ hơn liên quan đến việc các trường đại học của Việt Nam rất nỗ lực gia tăng công bố quốc tế với nhiều cách thức đầu tư, khuyến khích và cả quy định mang tính chất hành chính dẫn đến số lượng các bài báo trong nước tăng chậm không theo kịp nhu cầu tìm đọc tài liệu học tập của sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và giảng viên các trường đại học.

Số liệu thống kê hiện nay cho biết⁽⁹⁾: trong năm 2022, Việt Nam có 09 cơ sở giáo dục đại học công bố được nhiều bài báo quốc tế nhất (từ 620 bài đến 2.248 bài) và đạt tổng số 9.704 bài quốc tế, chiếm 52,3% trong tổng số 18.557 bài báo quốc tế của cả nước. Trong năm 2022, tại 09 cơ sở giáo dục đại học này đã công bố được

số lượng bài báo quốc tế (9.704 bài) nhiều hơn so với tổng số 6.832 bài từ kết quả của các đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ quốc gia (NAFOSTED) tài trợ bình quân mỗi năm 300 tỷ đồng từ năm 2018 đến năm 2022. Rõ ràng là 09 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu này đã nỗ lực công bố bài báo quốc tế theo quy định quản lý đối với đề tài nghiên cứu cơ bản do NAFOSTED tài trợ và được áp dụng các loại đề tài khác do các nguồn tài trợ khác. Bởi vì, theo quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản của Bộ Khoa học và Công nghệ, các đề tài do NAFOSTED tài trợ này đều phải có sản phẩm khoa học dưới hình thức bài báo trên “tạp chí quốc tế có uy tín”.

Do đó, vấn đề đặt ra đối với chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam là các trường đại học, bao gồm cả trường đại học công lập và tư thục, tự chủ và tự chủ một phần đều tích cực, chủ động, nỗ lực áp dụng quy định nêu trên, nghĩa là áp dụng quy định kết quả đề tài nghiên cứu khoa học dù không được NAFOSTED tài trợ vẫn phải có bài báo công bố trên tạp chí quốc tế. Trong thực tế quản lý khoa học và công nghệ của các trường đại học đều ra sức thực hiện quy định này không chỉ đối với đề tài được tài trợ bởi NAFOSTED.

2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong thời gian tới

Một là, phát triển trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên cơ hữu ở các trường đại học. Hiện nay, số lượng và tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ đều chưa đáp ứng yêu cầu tăng về quy mô sinh viên. Trong khi đó, chất lượng giáo dục trực tiếp phụ thuộc vào cơ cấu trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên cơ hữu. Do vậy, yêu cầu đặt ra là tăng số lượng và tỷ lệ giảng viên cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ bảo đảm ít nhất là bằng hoặc trên mức độ tăng quy mô đào tạo đại học, đồng thời tăng quy mô đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. Giải pháp này cần được thực hiện căn cứ vào số lượng sinh viên bình quân một giáo sư, bình quân một phó giáo sư và bình quân một tiến sĩ của từng cơ sở giáo dục đại học. Mỗi cơ sở căn cứ điều kiện cụ thể của trường để xây dựng, thực hiện lộ trình, kế hoạch phát triển trình độ chuyên môn nghề nghiệp thể hiện

qua số lượng và tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ bảo đảm nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học.

Hai là, đổi mới quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ bảo đảm khoa học và công nghệ phục vụ đào tạo, phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo đại học, đồng thời phục vụ phát triển các bộ môn, chuyên ngành, ngành khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học, góp phần phát triển khoa học và công nghệ của đất nước. Đây là giải pháp thiết thực hưởng ứng Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”⁽¹⁰⁾ trong lĩnh vực giáo dục đại học được hiểu như ngành công nghiệp đặc biệt, một lĩnh vực sản xuất hàng hóa đặc biệt⁽¹¹⁾, trong đó có các sản phẩm khoa học và công nghệ dưới hình thức các bài báo khoa học. Để thực hiện giải pháp này cần thực hiện đúng quy định quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các đề tài nghiên cứu cơ bản do Nhà nước tài trợ, cụ thể là do NAFOSTED tài trợ.

Các cơ sở giáo dục đại học không áp dụng các quy định quản lý về công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín (bởi vì, các quy định này được ban hành chỉ để áp dụng trong quản lý đề tài do NAFOSTED tài trợ) vào quản lý các đề tài không do NAFOSTED tài trợ. Các giảng viên, các nhà khoa học tự chủ làm đề tài khoa học cần tự chủ trong việc chọn tạp chí khoa học và nên chọn tạp chí khoa học trong nước có uy tín để công bố kết quả nghiên cứu khoa học do mình làm tự chủ để trực tiếp góp phần có hiệu quả vào nâng cao chất lượng đào tạo đại học của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Các cơ sở giáo dục đại học không tự đặt ra các quy định bắt giảng viên cơ hữu phải công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định chỉ áp dụng đối với đề tài do NAFOSTED tài trợ khi giảng viên không làm đề tài do NAFOSTED tài trợ.

Đồng thời, nhà trường không can thiệp vào quyền tự chủ của các giảng viên, các nhà khoa học trong việc công bố các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ do họ tự tài trợ hoặc được tài trợ không phải từ nhà trường. Nguyên tắc quản lý khoa học và công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam là ưu tiên công bố kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ đào tạo của nhà trường. Chất lượng các

bài báo của các giảng viên cần được thẩm định và sử dụng làm tài liệu học tập, nghiên cứu của tất cả sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và các giảng viên của nhà trường và các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Phương châm đổi mới quản lý khoa học và công nghệ phải là ưu tiên đưa khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới vào từng nhà trường, từng lớp học, từng người học, từng giảng viên người Việt Nam.

Cùng với việc đăng tải các bài báo từ các đề tài do NAFOSTED tài trợ trên các tạp chí quốc tế có uy tín, cần tạo động lực đẩy mạnh công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước nhằm đáp ứng nhu cầu của hàng triệu sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và giảng viên đại học cả nước. Chính đội ngũ đồng đảo bạn đọc, “người sử dụng” này mới thực sự tạo động lực làm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học và công nghệ bảo đảm nâng cao chất lượng đào tạo đại học của Việt Nam. Giải pháp này trực tiếp góp phần cải tiến mạnh mẽ chất lượng đào tạo đại học, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên - lực lượng lao động quyết định chất lượng đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Ba là, đổi mới các quy định liên quan đến công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong quản lý giáo dục đại học nói chung. Một mặt, kết quả khoa học của đề tài do NAFOSTED tài trợ vẫn cần nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ quy định quản lý hiện hành về công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc cơ sở dữ liệu ISI (Viện Thông tin khoa học Hoa Kỳ) và Scopus của nhà xuất bản Elsevier (Hà Lan). Mặt khác, các cơ quan quản lý giáo dục đại học cần rà soát để gỡ bỏ các quy định quản lý giáo dục, đào tạo, giảng dạy gắn với công bố trên tạp chí quốc tế đối với các đề tài không do quỹ NAFOSTED tài trợ. Đồng thời, mỗi cơ sở giáo dục đại học cần phát huy và tạo điều kiện cho các chủ thể khoa học thực hiện được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công bố kết quả nghiên cứu khoa học bảo đảm các giảng viên và nhất là người học Việt Nam tìm đọc, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ theo tinh thần “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong các cơ sở giáo dục đại học.

Tóm lại, chất lượng đào tạo đại học của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cần được

bảo đảm và nâng cao bởi đội ngũ giảng viên Việt Nam có trình độ cao về chuyên môn nghề nghiệp với các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được công bố trên các tạp chí trong nước có uy tín nhằm phục vụ đào tạo, phục vụ người học là người Việt Nam. Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cũng là giải pháp góp phần mở rộng cơ hội giáo dục đại học để tăng nhanh số lượng và tỷ lệ lực lượng lao động có trình độ cao từ trình độ đại học trở lên đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay./.

Ghi chú:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương lần thứ tám, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập thế giới*.

(2) Luật Giáo dục đại học năm 2018.

(3) Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.

(4) Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*.

(5) Xem <https://www.gso.gov.vn>.

(6) Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Cổng thông tin điện tử. Số liệu thống kê giáo dục đại học*. <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ke-giao-duc-dai-hoc.aspx?ItemID=8831>. Truy cập ngày 29 tháng 8 năm 2024.

(7), (8) Xem <https://daibieunhandan.vn/nhung-con-so-an-tuong-ve-tu-chu-dai-hoc-post303839.html>.

(9) Xem <https://thongke.cesti.gov.vn/phan-tich-thong-ke/ket-qua-thong-ke/1082-cong-bo-khoa-hoc-viet-nam-2022>.

(10) Ban Bí thư Trung ương Đảng, *Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 19/5/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong tình hình mới*.

(11) Lê Ngọc Hùng, *Lý thuyết các khoa học giáo dục: Học tập, Lãnh đạo, Quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2022.